

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045**

(Ban hành theo Quyết định số: 4230^b/QĐ-HVBC TT ngày 09/9/2022
của Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

HÀ NỘI - NĂM 2022



Số 4230^{b*}-NQ/HĐT

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
về ban hành Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền
đến năm 2030, tầm nhìn 2045

- Căn cứ Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
- Căn cứ Quyết định số 9026/QĐ-HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
- Căn cứ Nghị quyết số 24 ngày 05/9/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2030, tầm nhìn 2045;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện Báo chí và Tuyên truyền kỳ họp ngày 26/5/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng trường kỳ họp lần thứ 3 ngày 31/5/2022;
- Xét đề nghị của Văn phòng Đảng - Đoàn thể - Hội đồng trường, Ban Tổ chức - Cán bộ, Thư ký Hội đồng trường,

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Điều 2. Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám đốc Học viện, trường các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /*ly*

Nơi nhận:

- Học viện CTQG Hồ Chí Minh (để b/c),
- BCH Đảng bộ, Hội đồng Trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Các tổ chức đoàn thể,
- Các đơn vị trực thuộc Học viện,
- Lưu VT, VP HĐT.

T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

Mai Đức Ngọc
Mai Đức Ngọc

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG	1
2. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI	3
3. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	4
4. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	5
5. LĨNH VỰC NGUỒN NHÂN LỰC	6
6. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ	8
7. LĨNH VỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT-KỸ THUẬT	9
8. BẢNG LƯỢNG HÓA CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC.....	12

GIỚI THIỆU CHUNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (tiền thân là Trường Tuyên giáo Trung ương) thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được hợp nhất từ 03 cơ sở đào tạo: Trường Tuyên huấn, Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và Trường Đại học Nhân dân theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 16/01/1962 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện) là một trường Đảng, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, cán bộ làm công tác tuyên giáo, công tác xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.

Điểm mạnh của Học viện là có lịch sử phát triển 60 năm với truyền thống đoàn kết, thống nhất vì mục tiêu chung. Là một trường Đảng trong hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đồng thời là trường đại học lâu đời trong hệ thống giáo dục quốc dân, thương hiệu và uy tín xã hội của Học viện ngày càng được khẳng định. Chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được chuẩn hóa và tăng cường. Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám đốc lãnh đạo toàn diện các hoạt động, bảo đảm kỷ cương đồng thời khuyến khích sáng tạo.

Hạn chế của Học viện là việc đổi mới phương thức quản lý đào tạo và chương trình đào tạo có phần còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của Đảng, Nhà nước và xã hội. Công tác bảo đảm chất lượng chưa góp phần định hình, phát triển văn hóa chất lượng của Học viện. Các công trình khoa học có ý nghĩa quốc gia, công bố quốc tế còn ít về số lượng và hạn chế về chất lượng. Điều kiện cơ sở vật chất-kỹ thuật và công nghệ phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và học tập chưa đồng bộ và hiện đại.

Cơ hội chủ yếu là Học viện nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và sự hợp tác chặt chẽ của các đối tác trong và ngoài nước. Cùng với xu thế đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước, Học viện có cơ hội mở rộng đối tác, tăng cường liên kết đào tạo quốc tế và triển khai các dự án để nâng cao năng lực cán bộ và hiện đại hóa cơ sở vật chất. Mức độ tự chủ của Học viện ngày càng được nâng lên, giúp khai thác và tập trung các nguồn lực cho các mục tiêu chiến lược và các lĩnh vực ưu tiên.

Thách thức đối với Học viện hiện nay là tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và năng lực cạnh tranh với các cơ sở giáo dục khác, nhất là các cơ sở giáo dục có cùng ngành đào tạo. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Học viện vừa phải đảm bảo đặc trưng, tuân thủ nguyên tắc và quy định của một trường Đảng, vừa cần đáp ứng yêu cầu quản trị, phát triển Nhà trường trong xu thế hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tâm lý ngại đổi mới còn khá phổ biến trong cán bộ. Yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng tăng lên trong khi các nguồn lực chưa được đầu tư tương xứng.

Trong 60 năm xây dựng và phát triển, bằng lao động khoa học nghiêm túc và sáng tạo, Học viện đã khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Học viện được Đảng và Nhà nước trao tặng: Huân chương Độc lập hạng Nhì (1992), Huân chương Độc lập hạng Nhất (2001), Huân chương Hồ Chí Minh (2007), Huân chương Độc lập hạng Ba (2021) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

SỨ MỆNH, TẦM NHÌN

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

TẦM NHÌN 2045

1. Học viện là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục của Việt Nam trong các lĩnh vực lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền và truyền thông.

2. Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế; trung tâm nghiên cứu có tầm ảnh hưởng về lý luận chính trị, báo chí và truyền thông tại Đông Nam Á và châu Á. Học viện phấn đấu đến năm 2045 trở thành trường đại học hàng đầu tại châu Á.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Trí tuệ, tầm nhìn, bản lĩnh, sáng tạo, cống hiến.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. **Đoàn kết:** Là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

2. **Dân chủ:** Là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

3. **Đổi mới:** Là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

4. **Sáng tạo:** Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

5. **Chất lượng:** Là mục tiêu cao nhất trong mọi hoạt động của Học viện, hướng tới xây dựng văn hóa chất lượng.

6. **Cống hiến:** Là trách nhiệm, lý tưởng, lối sống của mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hướng tới thành công của người học và sự phát triển của Học viện.

ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG

MỤC TIÊU CHUNG

Trở thành lựa chọn số 1 của người học về lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền, truyền thông và là nơi người học ở vị trí trung tâm của quá trình đào tạo, bồi dưỡng.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sáng tạo, thích ứng với môi trường xã hội.

2. Xây dựng môi trường học tập thân thiện, khuyến khích phát triển năng lực và thúc đẩy trải nghiệm tích cực của người học, lấy sự hài lòng và thành công của người học làm thước đo chất lượng.

3. Phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo định hướng phát triển năng lực, chú trọng kỹ năng nghiên cứu trong các chương trình lý luận chính trị và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các chương trình nghiệp vụ.

4. Đổi mới mô hình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa chất lượng và số lượng, giữa các hệ và các loại hình đào tạo, bồi dưỡng.

5. Phát triển văn hóa chất lượng. Mọi hoạt động của Học viện tuân thủ các nguyên tắc, quy trình và tiêu chuẩn chất lượng, hướng tới các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn khu vực và thế giới.

6. Xây dựng mạng lưới, mở rộng quan hệ với các cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có uy tín để gắn lý luận với thực tiễn, lý thuyết với thực hành; nâng cao cơ hội việc làm cho người học.

KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. **Môi trường học tập:** Thân thiện, không gian học tập mở, khuyến khích năng lực sáng tạo, tính tích cực, tính chủ động của người học. Các dịch vụ hỗ trợ và cố vấn học tập được đảm bảo với tinh thần phục vụ tận tâm.

2. **Phương thức quản lý đào tạo:** Phương thức đào tạo được đổi mới trên cơ sở phát huy ưu điểm của phương thức đào tạo theo tín chỉ; ứng dụng công

nghe thông tin trong toàn bộ các khâu của quy trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng. Mô hình đào tạo được xây dựng theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng, giữa quy mô và trọng điểm, giữa tiêu chuẩn và chất lượng cao.

3. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên được đổi mới và phát triển đáp ứng mục tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị và nhu cầu xã hội. Các chương trình bồi dưỡng được chuẩn hóa và bám sát các lĩnh vực thế mạnh của Học viện, đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, chứng nhận năng lực và phát triển nghề nghiệp cho người học.

4. Bảo đảm chất lượng: Hệ thống bảo đảm chất lượng được chuẩn hóa, tuân thủ nguyên tắc, quy trình, tiêu chuẩn và định hướng toàn bộ hoạt động của Học viện. Hướng tới đánh giá chất lượng trong nước tất cả các chương trình đào tạo và đánh giá quốc tế một số chương trình đào tạo trọng điểm.

5. Việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp: Ít nhất 90% có việc làm phù hợp. Văn bằng Học viện cấp có giá trị và uy tín học thuật tại Việt Nam và hướng tới được công nhận quốc tế.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

MỤC TIÊU CHUNG

Trở thành trung tâm quốc gia nghiên cứu lý luận chính trị, xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền, truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Hoạt động khoa học hướng tới phục vụ giảng dạy, gắn liền với nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Triển khai các nghiên cứu hướng tới phát triển lý luận, tư vấn chính sách, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giải quyết các vấn đề thực tiễn và phụng sự xã hội.

2. Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học nhằm khẳng định uy tín và tăng cường ảnh hưởng khoa học quốc tế trong lĩnh vực báo chí, tuyên

truyền, truyền thông và các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

3. Đa dạng hóa các hoạt động khoa học nhằm phát triển các diễn đàn khoa học có uy tín và khả năng kết nối mạng lưới chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế.

4. Xây dựng và phát triển tạp chí của Học viện trở thành tạp chí nghiên cứu chuyên ngành hàng đầu tại Việt Nam và phát triển thành tạp chí khoa học quốc tế.

5. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, đầu tư và tập trung nghiên cứu các chủ đề trọng điểm về lý luận chính trị, tư tưởng-văn hóa, báo chí, tuyên truyền, truyền thông gắn với thúc đẩy công bố quốc tế.

KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. **Định hướng nghiên cứu chính và hệ thống đề tài:** Được xây dựng và cập nhật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Học viện trong từng giai đoạn.

2. **Nguồn lực khoa học:** Kinh phí đầu tư cho hoạt động khoa học được nâng cao, tăng cường nguồn lực xã hội hóa và tài trợ quốc tế. Quy trình quản lý khoa học được hoàn thiện, gắn với định hướng phát triển nghiên cứu các lĩnh vực trọng điểm của Học viện.

3. **Cơ sở dữ liệu:** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ sinh thái số.

4. **Tạp chí khoa học:** Tạp chí được quy chuẩn hóa, là nơi công bố kết quả nghiên cứu có giá trị học thuật của các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

5. **Nhóm nghiên cứu mạnh:** Các nhóm nghiên cứu mạnh về lý luận chính trị, báo chí, tuyên truyền, truyền thông được xây dựng, đủ khả năng để thực hiện các đề tài nghiên cứu ở tầm quốc gia và quốc tế và có các công bố quốc tế.

NGUỒN NHÂN LỰC

MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, dân chủ, đoàn kết và nhân văn để cán bộ, công chức và viên chức làm việc, phấn đấu và cống hiến vì sự phát triển chung.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đồng thời tăng cường tính đồng bộ của hệ thống chính trị, phát huy tính trách nhiệm, chủ động của cán bộ, công chức và viên chức.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có cơ cấu hợp lý, có năng lực quản trị hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo các định hướng chiến lược.

3. Tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, cao về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, trong đó có những giảng viên có khả năng giảng dạy bằng ngoại ngữ các chương trình chất lượng cao và chương trình quốc tế.

4. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ hành chính có cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, tâm huyết, trách nhiệm, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

5. Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hoá, báo chí, tuyên truyền, truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng giảng dạy, nghiên cứu trong môi trường quốc tế.

KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. **Bộ máy tổ chức:** Đến năm 2030, bộ máy tổ chức của Học viện được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

2. **Môi trường làm việc:** Văn minh, dân chủ, sáng tạo, chuyên nghiệp, nhân văn và mang tính học thuật cao, trong đó hiệu quả công tác là thước đo năng lực và đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện.

3. **Đội ngũ cán bộ:** Đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn; có cơ cấu hợp lý về giới tính, đội tuổi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Số cán bộ giảng viên có học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ ngày càng tăng.

4. **Chính sách cán bộ:** Các chính sách quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng và kỷ luật ngày càng được

hoàn thiện nhằm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng.

5. **Thu nhập của cán bộ:** Cơ chế tự chủ gắn với việc xây dựng Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ được tiếp tục hoàn thiện, góp phần nâng cao thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từng bước được nâng lên.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

MỤC TIÊU CHUNG

Trở thành đối tác quốc tế có trách nhiệm và tin cậy; lấy hợp tác quốc tế làm đòn bẩy, giải pháp chiến lược thúc đẩy hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xây dựng Học viện là đối tác có trách nhiệm và tin cậy, nơi thu hút các cá nhân, tổ chức quốc tế có uy tín đến giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật.

2. Mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế với các nước trên thế giới trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và cùng có lợi; chú trọng mối quan hệ truyền thống; đồng thời thúc đẩy mở rộng các quan hệ chiến lược, bền vững.

3. Đa dạng hóa chương trình hợp tác các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện nhằm tăng cường vị thế của Học viện trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ nguồn lực nước ngoài để nâng cấp cơ sở vật chất-kỹ thuật và nâng cao trình độ, năng lực cán bộ.

4. Tăng cường liên kết các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với thế mạnh và định hướng phát triển của Học viện.

5. Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong khu vực và quốc tế về một số lĩnh vực có thế mạnh của Học viện.

KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. **Mạng lưới quan hệ:** Quan hệ hợp tác được mở rộng với các đối tác khu vực và thế giới. Mạng lưới các chuyên gia được tăng cường, sẵn sàng tham gia giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật.

2. **Trao đổi quốc tế:** Các chương trình trao đổi giảng viên, trao đổi người học được thiết lập và thực hiện thường xuyên. Các đoàn ra, đoàn vào ngày càng tăng. Kinh phí tài trợ ngày càng nhiều.

3. **Hạng mục hợp tác:** Các chương trình hợp tác quốc tế ngày càng phong phú và đa dạng; phát triển theo nhu cầu, năng lực với các đối tác phù hợp trong các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện.

4. **Liên kết quốc tế:** Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cấp bằng Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ được phát triển trong các lĩnh vực thế mạnh của Học viện với các đối tác có uy tín, thương hiệu cao.

5. **Nghiên cứu quốc tế:** Chủ trì và phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu quốc tế trong các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện.

CƠ SỞ VẬT CHẤT-KỸ THUẬT

MỤC TIÊU CHUNG

Tăng cường tích lũy và quản lý nguồn lực chiến lược để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, thân thiện và khuyến khích sáng tạo.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Bổ sung và hoàn thiện quy hoạch tổng thể, có phương án cụ thể, khả thi và phù hợp đầu tư xây dựng một số hạng mục thiết yếu như tòa nhà trung tâm điều hành, giảng đường, nhà ăn, khu thể thao để phục vụ nhu cầu trước mắt; đồng thời hoạch định và triển khai tích lũy nguồn lực chiến lược, hoàn thiện cơ sở vật chất - kỹ thuật theo từng giai đoạn nhằm xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập hiện đại, thân thiện và văn minh.

2. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Học viện theo hướng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn trong tổng thể dự án

phát triển Học viện thông minh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý điều hành, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và phục vụ...

3. Tăng cường tích lũy chiến lược về nguồn lực, từng bước tự chủ tài chính, đa dạng hóa nguồn thu, mở rộng nguồn vốn xã hội hóa phù hợp với quy định pháp luật nhằm đảm bảo thu nhập ổn định cho cán bộ; hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật; xây dựng nhà ăn và các điều kiện vật chất khác phục vụ cán bộ, giảng viên và người học.

4. Phân bổ nguồn lực tài chính hợp lý, sử dụng hiệu quả, minh bạch và đúng quy định, đảm bảo thực hiện chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác của Học viện với quy mô ngày càng phát triển.

5. Hiện đại hoá thư viện truyền thống, xây dựng thư viện điện tử có kết nối với các trường đại học đào tạo về lý luận chính trị, báo chí, tuyên truyền, truyền thông của các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á nhằm phát triển hệ thống tài liệu, cơ sở dữ liệu phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, đồng thời khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của người học.

KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. **Quy hoạch tổng thể:** Được điều chỉnh, hoàn thiện làm cơ sở cho việc xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở vật chất-kỹ thuật thông minh, hiện đại, đồng bộ và thân thiện.

2. **Tòa nhà trung tâm điều hành, hệ thống giảng đường, các phòng đa năng:** Xây dựng tòa nhà Trung tâm điều hành, giảng đường, các phòng đa năng, studio hiện đại phục vụ các nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

3. **Thư viện:** Được xây dựng đồng bộ, thông minh, hiện đại đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học.

4. **Ký túc xá:** Được xây dựng đồng bộ, thông minh, hiện đại, thân thiện, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập của người học.

5. **Nguồn lực tài chính:** Đáp ứng yêu cầu phát triển các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất-kỹ thuật và các hoạt

động khác của Học viện. Được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, góp phần nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Học viện.

6. Tích lũy chiến lược: Đa dạng hóa nguồn thu, tăng cường các nguồn xã hội hóa trên cơ sở xây dựng quy mô đào tạo, bồi dưỡng hợp lý, giải quyết tốt mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng, từ đó tạo ra tích lũy chiến lược cho phát triển đội ngũ, đầu tư các dự án trọng điểm và hiện đại hóa cơ sở vật chất-kỹ thuật.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2030, tầm nhìn 2045 là cơ sở để xây dựng các nghị quyết của Đảng ủy, được triển khai thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm, 10 năm, 15 năm và cụ thể hóa thành nhiệm vụ từng năm và phổ biến rộng rãi đến từng đơn vị.

Chiến lược là cơ sở để Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám đốc Học viện lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành quá trình triển khai thực hiện.

Trên cơ sở Chiến lược này, Ban Giám đốc Học viện các đơn vị trong Học viện xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, các nhiệm vụ cụ thể của đơn vị và tổ chức triển khai kế hoạch đề ra. Các tổ chức đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Học viện.

Định kỳ, Học viện tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, từ đó xác định, điều chỉnh mục tiêu và kết quả dự kiến trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với thực tiễn.

T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



Mai Đức Ngọc

BẢNG LƯỢNG HÓA
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG

TT	Chỉ tiêu	2022	2030	2045
1.	Sinh viên đại học	2.400	2.600	3.000
2.	Học viên cao học/nghiên cứu sinh	500/70	600/100	800/150
3.	Chương trình đào tạo Cử nhân	35	35	40
4.	Chương trình đào tạo chất lượng cao	5	10	15
5.	Chương trình đào tạo Cử nhân vừa làm vừa học	23	25	25
6.	Chương trình đào tạo Thạc sĩ	20	25	30
7.	Chương trình đào tạo Tiến sĩ	7	10	15
8.	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế đại học	1	3	5
9.	Chương trình liên kết đào tạo quốc tế sau đại học	0	3	5
10.	Chương trình bồi dưỡng quản lý, nghiệp vụ	10	15	20

2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TT	Chỉ tiêu	2022	2030	2045
1.	Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	90	150	200
2.	Hội thảo, tọa đàm khoa học sinh viên	5	15	30
3.	Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	3%	≥ 20%	≥ 25%
4.	Tỷ lệ học viên cao học và nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động khoa học	20%	≥ 30%	≥ 45%
5.	Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên trong tổng nguồn thu học phí của Học viện	2%	3%	5%
6.	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ	1,5%	5%	10%
7.	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trọng	20	≥ 30	≥ 45

	điểm (đề tài/năm)			
8.	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (đề tài/năm)	113	≥200	≥250
9.	Đề tài nghiên cứu cấp bộ (đề tài/năm)	3	≥5	≥10
10.	Đề tài nghiên cứu cấp quốc gia (đề tài/năm)	3	≥5	≥10
11.	Dự án nghiên cứu khảo sát	1	3	5
12.	Đề tài nghiên cứu quốc tế	1	3	5
13.	Hội thảo khoa học cấp Học viện	3	5	10
14.	Hội thảo khoa học quốc gia	2	5	7
15.	Hội thảo khoa học quốc tế	2	3	5
16.	Số bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước (hoặc tương đương) mỗi năm	485	≥ 700	≥ 900
17.	Số công trình công bố quốc tế mỗi năm	15	≥ 30	≥45
18.	Giảng viên đạt và vượt định mức nghiên cứu khoa học	50%	≥60%	≥70%
19.	Số sách được xuất bản mỗi năm, bao gồm giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo	27 sách 15 giáo trình	≥ 50 sách ≥ 30 giáo trình	≥ 70 sách ≥ 45 giáo trình

3. TỔ CHỨC CÁN BỘ

TT	Chỉ tiêu	2022		2030		2045	
1.	Số giảng viên:	244		290		450	
		Khối ngành Lý luận (119)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (125)	Khối ngành Lý luận (140)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (150)	Khối ngành Lý luận (200)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (250)
	-Nam:	40	34	50%	50%	50%	50%
	-Nữ:	79	91	50%	50%	50%	50%

- Độ tuổi:	9	7	30%	35%	35%	35%
+ Dưới 30						
+ Từ 31-45	72	83	30%	30%	35%	35%
+ Từ 45-55	23	27	20%	20%	20%	20%
+ Trên 55	15	8	20%	20%	15%	15%
2. Số giảng viên là PGS, GS	29		100		145	
	Khối ngành Lý luận (18)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (11)	Khối ngành Lý luận (50)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (50)	Khối ngành Lý luận (70)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (75)
- Nam:	11	2	50%	50%	50%	50%
- Nữ:	7	9	50%	50%	50%	50%
- Độ tuổi:	3	5	20%	25%	30%	35%
+ Từ 31-45:						
+ Từ 45-55:	7	3	40%	45%	45%	45%
+ Trên 55-60	3	2	20%	15%	15%	10%
+ Trên 60	5	1	20%	15%	10%	10%
3. Số giảng viên là TS	97		215		245	
	Khối ngành Lý luận (54)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (43)	Khối ngành Lý luận (100)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (115)	Khối ngành Lý luận (120)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (125)
- Nam:	12	13	50%	50%	50%	50%
- Nữ:	42	30	50%	50%	50%	50%
- Độ tuổi:						
+ Từ 31-45:	36	24	70%	75%	80%	85%
+ Từ 45-55:	12	15	20%	15%	20%	15%
+ Trên 55:	6	4	10%	0%	0%	0%

4.	Số giảng viên là Thạc sĩ	116		140		60	
		Khối ngành Lý luận (47)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (69)	Khối ngành Lý luận (70)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (70)	Khối ngành Lý luận (30)	Khối ngành Báo chí, truyền thông và xã hội, nhân văn (30)
	- Nam:	17	18	50%	50%	50%	50%
	- Nữ:	30	50	50%	50%	50%	50%
	- Độ tuổi:						
	+ Dưới 25:						
	+ Từ 25-30:	9	6	80%	85%	85%	90%
	+ Từ 30-40:	26	39	10%	10%	15%	10%
	+ Trên 40:	12	24	10%	5%	0%	0%
5.	Số giảng viên là Cử nhân	2		0		0	
6.	Tỷ lệ giảng viên thường xuyên sử dụng ngoại ngữ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (từ 60-80% thời gian của công việc)	25%		35%		65%	
7.	Tỷ lệ giảng viên thường xuyên sử dụng tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (từ 60-80% thời gian của công việc)	60%		100%		100%	

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

TT	Chỉ tiêu	2022	2030	2045
1.	Số biên bản ghi nhớ ký kết với đối tác nước ngoài	10	20	30
2.	Chương trình trao đổi sinh viên	1	3	10
3.	Chương trình trao đổi giảng viên	1	2	5
4.	Số đoàn ra kinh phí thường xuyên mỗi năm	0	6	10
5.	Số đoàn ra kinh phí tài trợ mỗi năm	2	10	15
6.	Số đoàn vào kinh phí thường xuyên mỗi năm	5	10	15
7.	Số đoàn vào kinh phí tài trợ mỗi năm	5	10	15
8.	Chương trình, đề án hợp tác quốc tế nhằm tăng cường cơ sở vật chất	2	5	7
9.	Chương trình, đề án hợp tác quốc tế nhằm tăng cường năng lực cán bộ	2	10	15

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	2022	2030	2045
1.	Tòa nhà Trung tâm điều hành 25-30 tầng (diện tích mặt bằng 800 m ²).		Từ 2030 đến 2035	
2.	Diện tích sàn xây dựng giảng đường	25.970	38.650	40.500
3.	Diện tích sàn xây dựng ký túc xá	23.195	25.000	35.000
4.	Phòng học, giảng đường	95	120	150
5.	Studio và phòng thực hành chức năng	17	25	35
6.	Số phòng ký túc xá	453	750	1500
7.	Khu ký túc xá (tòa 20 tầng)	1.640	16.400	16.400
8.	Tỷ lệ kinh phí cấp từ ngân sách	48%	45%	40%
9.	Tỷ lệ kinh phí tự chủ	52%	55%	60%
10.	Khu thể dục thể thao	6.038	7.000	7500